

# THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2013 ĐẾN NAY

*ĐỖ PHƯƠNG THẢO*  
*Ban Tuyên giáo Trung Ương*  
*Email: Dophuongthao@btgtw.vn*

**Tóm tắt:** Bài báo tập trung làm rõ những thành tựu và hạn chế trong đổi mới giáo dục ở Việt Nam từ năm 2013 đến nay. Đồng thời khẳng định quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Một số kết quả đáng chú ý của giáo dục, đào tạo được khảo sát cho thấy sự cố gắng, nỗ lực của ngành giáo dục, đào tạo, hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc triển khai thực hiện quá trình đổi mới căn bản, toàn diện vô cùng quan trọng này. Từ kết quả này, nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế của chính sách đổi mới trong giáo dục, đề khắc phục, hướng tới kết quả toàn diện, hiệu quả hơn.

**Từ khoá:** Giáo dục, đào tạo, đổi mới, thành tựu, hạn chế.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2023 đánh dấu 10 năm ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, 5 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI. Với quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội... một số kết quả đáng chú ý của giáo dục, đào tạo thời gian qua khẳng định sự cố gắng, nỗ lực của ngành giáo dục, đào tạo, hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc triển khai thực hiện quá trình đổi mới căn bản, toàn diện vô cùng quan trọng này.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Những thành tựu đạt được

#### 2.1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy trong lĩnh vực giáo dục

Trong quá trình triển khai Nghị quyết 29, Ban Bí thư khóa XI ban hành Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 về “Tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao”; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”. Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết được Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành triển khai tích cực nhằm tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT: Quốc hội xây dựng Chương trình hành động, ban hành Luật Giáo dục nghề

nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình và sách giáo khoa (CT&SGK) giáo dục phổ thông mới, Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 về điều chỉnh lộ trình thực hiện CT&SGK giáo dục phổ thông mới; dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Công tác giám sát việc thực hiện các luật, nghị quyết của Quốc hội được tiến hành khá thường xuyên.

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29 với 18 đề án, phân công các bộ, ngành triển khai thực hiện; sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết 29; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành thực hiện 18 đề án. Thủ tướng Chính phủ thành lập Ủy ban Quốc gia đổi mới GD&ĐT; củng cố Hội đồng Quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực; ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 về đổi mới CT&SGK giáo dục phổ thông; ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 về “đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” và kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Nghị quyết số 51/2017/QH14 và Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội.

Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) đã xây dựng kế hoạch thực hiện, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tích cực hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cơ sở GD tích cực triển khai Nghị quyết. Đã hoàn thành việc bàn giao các trường CĐ, trung cấp chuyên nghiệp (trừ trung cấp sư phạm và CĐSP) từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐ-TB&XH. Các bộ, ngành có liên quan ban hành nhiều văn bản thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chính phủ.

Trong giai đoạn 2016-2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) từng bước góp phần hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo: Đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành 02 luật; trình Chính phủ ban hành 35 nghị định, nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 53 quyết định, đề án, chỉ thị và ban hành theo thẩm quyền 218 thông tư, 108 văn bản cá biệt. Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng trên tinh thần kiến tạo môi trường pháp lý, từng bước tháo gỡ các nút thắt, những vướng mắc từ thực tiễn đặt ra. Trong đó, lần đầu tiên trong một nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, ngành Giáo dục có 2 dự án luật được Quốc hội thông qua là Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018 và Luật Giáo dục 2019.

### ***2.1.2. Đổi mới các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông***

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta đã thực hiện 4 lần cải cách và đổi mới giáo dục. Ba lần cải cách giáo dục vào các năm 1950, 1956 và 1979 đều không kịp xây dựng chương trình mới mà chỉ điều chỉnh biên soạn sách giáo khoa mới.

Lần đổi mới này<sup>1</sup>, Bộ GDĐT giao nhiệm vụ cho một ban soạn thảo để bảo đảm sự thống nhất giữa toàn bộ các môn học ở ba cấp học. Ban cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ đã chỉ đạo sát sao để Chương trình thực hiện đúng yêu cầu của Nghị quyết 29 là chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, tiếp cận xu hướng tiên tiến của thế giới về phát triển chương trình, khác với Chương trình truyền thụ kiến thức theo kiểu cũ; đồng thời, khẩn trương hoàn thành toàn bộ công việc xây dựng Chương trình, bao gồm Chương trình tổng thể và các chương trình môn học, trong vòng 2 năm (2016-2018). Theo đánh giá của Bộ GDĐT, lần đầu tiên Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng một cách bài bản, theo một quy trình chặt chẽ, từ chương trình tổng thể đến các chương trình môn học, hoạt

<sup>1</sup>Thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

động giáo dục; từ xây dựng, ban hành chương trình đến biên soạn, thẩm định sách giáo khoa (SGK). Chương trình đã bảo đảm hiện đại, tinh gọn, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng chủ đề môn học và hoạt động giáo dục tự chọn, chú trọng giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng thực hành; khắc phục được những hạn chế của các chương trình giáo dục trước đó.

Nghị quyết 88 của Quốc hội quy định thực hiện xã hội hóa việc biên soạn SGK; có một số SGK cho mỗi môn học, khuyến khích sự cạnh tranh để nâng cao chất lượng SGK, đồng thời huy động nguồn lực xã hội, giảm chi từ ngân sách nhà nước trong việc biên soạn, xuất bản SGK. Nếu như trước đây chỉ có Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam đủ điều kiện tổ chức biên soạn SGK thì nay cả nước có 07 Nhà xuất bản (NXB), trong đó có 04 NXB đã được Bộ GDĐT phê duyệt SGK lớp 1 (năm 2019); 05 NXB được phê duyệt SGK lớp 2 (năm 2020); 06 NXB được phê duyệt SGK lớp 3 (năm 2021); 04 NXB được phê duyệt SGK lớp 6 (năm 2020); 05 NXB được phê duyệt SGK lớp 7 (năm 2021); 05 NXB được phê duyệt SGK lớp 10 (năm 2021), góp phần xóa bỏ độc quyền trong biên soạn, xuất bản SGK.

Việc biên soạn SGK bảo đảm nội dung về tư tưởng, chính trị, khoa học và phương pháp sư phạm. Tất cả các SGK được Bộ GDĐT phê duyệt đều được các nhà trường tổ chức cho giáo viên, tổ bộ môn nghiên cứu đề xuất, lựa chọn, không để xảy ra hiện tượng khan hiếm, thiếu SGK, đảm bảo 100% học sinh, nhà trường có đủ SGK trước khi khai giảng năm học mới. Sau gần 2 năm học triển khai chương trình, SGK mới cho thấy kết quả bước đầu rất tích cực, các nhà trường, giáo viên và học sinh hào hứng, chủ động, sáng tạo hơn trong quá trình dạy và học.

### **2.1.3. Đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo**

Việc đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá đối với GD tiểu học, THCS, THPT được thực hiện vừa định tính, vừa định lượng<sup>2</sup>. Đặc biệt, việc đổi mới thi, công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục ĐH và GDNĐ được triển khai theo hướng đánh giá năng lực, kết hợp kết quả quá trình với kết quả cuối năm học, giảm áp lực và tổn kém cho xã hội; khắc phục tình trạng học lệch, học tủ ở phổ thông (thì gì học nấy), nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và được coi là “khâu đột phá” trong Nghị quyết 29 của Đảng.

Trước năm 2015 ở nước ta có 2 kỳ thi quốc gia là Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và Kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng (tổ chức 3 đợt/năm). Mặc dù còn có những hạn chế, bất cập (thậm chí để xảy ra sai phạm nghiêm trọng ở một số địa phương năm 2018) nhưng qua từng năm đã được hoàn thiện và ngày càng tốt hơn; cơ bản khắc phục được những bất cập của các kỳ thi trước năm 2015 (thí sinh chỉ phải dự thi một đợt, thời gian dự thi rút ngắn, thi ngay tại địa phương nên giảm áp lực, giảm tổn kém cho gia đình và xã hội; tình trạng học lệch, học tủ giảm rõ rệt; thí sinh được xét nhiều nguyện vọng, tăng cơ hội trúng tuyển vào trường và ngành học yêu thích...).

---

<sup>2</sup>Cấp tiểu học chuyển sang đánh giá sự tiến bộ của HS; kết hợp đánh giá bằng nhận xét, điểm số và đánh giá của nhà giáo, HS, cha mẹ học sinh. Cấp THCS và THPT đánh giá theo hướng chú trọng cách học và *khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Từ năm 2014, Bộ GD&ĐT quy định tuyển sinh đầu vào THCS theo phương thức xét tuyển, tuyển sinh vào THPT, hoặc theo phương thức xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển. Năm 2018, Bộ GD&ĐT đã cho phép những cơ sở GD có nhiều thí sinh đăng ký có thể thực hiện phương thức kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.*

Năm 2020 và 2021, trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Bộ GDĐT đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức thi thành 2 đợt phù hợp với tình hình dịch bệnh từng địa phương. Điều này thể hiện trách nhiệm và sự linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Bộ GDĐT. Kỳ thi đã được tổ chức thành công, vừa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, vừa đáp ứng yêu cầu tổ chức kỳ thi gọn nhẹ, hiệu quả, khách quan và nghiêm túc, được Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao<sup>3</sup>.

Năm 2022 là năm đầu tiên Bộ GDĐT tổ chức đăng ký dự thi bằng hình thức trực tuyến cho đối tượng thí sinh đang học lớp 12 năm học 2021-2022. Việc đăng ký dự thi của thí sinh theo hình thức trực tuyến diễn ra thuận lợi, chính xác<sup>4</sup>. Việc tổ chức coi thi tại tất cả các điểm thi bảo đảm an toàn, nghiêm túc đáp ứng yêu cầu tổ chức thi gọn nhẹ, thiết thực<sup>5</sup>. Công tác chấm thi theo đúng tiến độ đề ra bảo đảm đúng quy trình, đúng quy định<sup>6</sup>.

Các trường đại học, cao đẳng đã thực hiện hiện quyền tự chủ trong tuyển sinh theo quy định của Luật Giáo dục đại học, trong đó được quyền sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia để xét tuyển, bảo đảm khách quan, công bằng, nâng cao chất lượng đầu vào. Có thể khẳng định, đổi mới kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng thời gian qua đã đạt được mục tiêu đề ra và đến nay vẫn đang được áp dụng ổn định<sup>7</sup>.

---

<sup>3</sup>Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng “Đây cũng là năm học cuối thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 của ngành giáo dục, được ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, việc tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020 bảo đảm an toàn trong khi tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, được nhân dân ghi nhận, đánh giá cao” (Thư gửi ngành Giáo dục, thầy cô giáo, học sinh, sinh viên cả nước nhân dịp Khai giảng năm học 2020-2021).

<sup>4</sup>Tổng số thí sinh đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 là 1.002.432; Trong đó, số thí sinh đăng ký trực tuyến là 933.510. Tổng số điểm thi: 2.243 với 42.293 phòng thi. Tổng số thí sinh dự thi: 989.863 đạt tỷ lệ 98,75% so với tổng số thí sinh đăng ký dự thi.

<sup>5</sup>Thí sinh thuộc diện F0 là 79 thí sinh của 20 Hội đồng thi. Trong đó, số thí sinh đến dự thi là 18 thí sinh; số thí sinh không đến dự thi là 61 thí sinh. Số thí sinh vi phạm Quy chế thi là 50 thí sinh bị đình chỉ; trong đó có 06 thí sinh mang và sử dụng tài liệu trong phòng thi, 44 thí sinh mang điện thoại vào phòng thi. Không có cán bộ coi thi vi phạm Quy chế

<sup>6</sup>Ngày 24/7/2022 kết quả của các thí sinh và phổ điểm từng môn thi đã được Bộ GDĐT công bố. Qua phân tích kết quả thi và phổ điểm cho thấy Kỳ thi năm 2022 cơ bản tương tự như năm 2021; khẳng định Kỳ thi đi vào ổn định, đáp ứng mục đích, yêu cầu của Kỳ thi tốt nghiệp THPT. Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi đạt kết quả cao hơn; các thành phố lớn, các tỉnh có truyền thống, các tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ có kết quả cao hơn các tỉnh thuộc vùng khó khăn như Tây bắc, một số tỉnh Tây Nguyên... Bộ GDĐT cũng đã đối sánh giữa điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm học bạ lớp 12 của thí sinh. Kết quả đối sánh cho thấy vẫn còn có sự khác biệt song công tác đánh giá quá trình trong dạy và học đã có chiều hướng tiến bộ, nhiều địa phương, ở nhiều môn, đánh giá khá sát so với kết quả thi. Tỷ lệ thí sinh đỗ tốt nghiệp năm 2022 là 98,57%.

<sup>7</sup>Bộ GDĐT đã tổ chức trực tuyến sinh nhằm hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ, công dịch vụ công quốc gia trong suốt thời gian tuyển sinh năm 2022. Ngày 18/3/2021, Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học kèm Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021-2022. Quy chế được xây dựng trên nguyên tắc tự chủ các trường, đảm bảo công khai quy trình đào tạo, tổ chức kiểm tra đánh giá, mở rộng chính sách tạo điều kiện để sinh viên chuyển ngành, chuyển trường, chuyển phân hiệu khi đáp ứng quy định, sinh viên đăng ký học thêm các chương trình đào tạo. Các cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

**2.1.4. Hệ thống giáo dục quốc dân từng bước được củng cố và sắp xếp lại. Hoàn thành và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng lên. Tự chủ đại học được đẩy mạnh, thứ hạng đại học Việt Nam tăng cao. Bước đầu xây dựng xã hội học tập và tạo điều kiện cho mọi người học tập suốt đời**

Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân<sup>8</sup>; Khung trình độ quốc gia Việt Nam với cấu trúc 8 bậc (mầm non, phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) nhằm chuẩn hóa hệ thống GD quốc dân. Đến nay đã thực hiện được việc thống nhất tên gọi, chuẩn đầu ra cho tất cả các cấp học.

Toàn ngành đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (năm 2015 mới có 32/63 tỉnh/thành phố); duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, trung học cơ sở<sup>9</sup>. Trẻ em mẫu giáo ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo được Nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật được quan tâm phát hiện sớm, can thiệp sớm, học hòa nhập góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em đến trường. Là nước thuộc nhóm có thu nhập trung bình thấp, nhiều khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội rất khó khăn, giao thông cách trở; vì thế, việc thực hiện thành công mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đã thể hiện nỗ lực rất lớn của toàn hệ thống chính trị trong việc chăm sóc, giáo dục cho trẻ ngay từ giai đoạn đầu đời, tạo tiền đề quan trọng để các em bước vào các bậc học tiếp theo. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, thành công này phần lớn nhờ vào chính sách đầu tư mục tiêu cho giáo dục mầm non của Chính phủ Việt Nam<sup>10</sup>.

Giai đoạn 2016-2021, chất lượng giáo dục phổ thông cả đại trà và mũi nhọn đều được nâng lên, được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Theo báo cáo năm 2020 của Ngân hàng Thế giới về Vốn nhân lực, chỉ số Vốn nhân lực của Việt Nam đạt 0.69, đứng thứ 38 trên 174 nền kinh tế. Trong đó, thành phần kết quả giáo dục của Việt Nam đứng thứ 15. Trong các đợt đánh giá PISA, Việt Nam với kết quả vượt trội so với trung bình của các nước trong khối OECD trong khi mức đầu tư cho giáo dục của chúng ta thấp hơn hẳn, như điểm Khoa học đứng thứ 4/79, Đọc hiểu đứng thứ 13/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia<sup>11</sup>.

Kết quả thi Olympic của học sinh Việt Nam những năm vừa qua có bước tiến bộ vượt bậc với 51 Huy chương Vàng trong giai đoạn 2016-2021 so với 27 Huy chương Vàng trong giai đoạn 2011-2015.

<sup>8</sup>Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 thay thế Khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân được quy định tại Nghị định 90/CP năm 1993, Luật Giáo dục sửa đổi 2009, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp.

<sup>9</sup>Tính đến 2019 có 63/63 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trong đó có 18/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 3 (năm 2016 mới có 12/63 tỉnh, thành phố). Hiện nay có 63/63 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, 19/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 2, mức độ 3.

<sup>10</sup>Các nền kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương thường phân bổ tỷ lệ nhỏ GDP cho giáo dục mầm non, nhưng Việt Nam là một ngoại lệ. Chính phủ Việt Nam dành 0,62% GDP cho giáo dục mầm non, cao hơn mức trung bình 0,54% của các nước OECD.

<sup>11</sup>Trong kỳ đánh giá PISA 2018 (công bố vào năm 2019), Việt Nam đạt 543 điểm Khoa học, điểm số cao thứ 4/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia, tăng 4 bậc so với năm 2015; đạt 505 điểm đọc hiểu, điểm số cao thứ 13/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia, tăng 19 bậc so với năm 2015. So với các nước trong khu vực, Indonesia là nước có mức đầu tư tương đương, hay Thái Lan là nước có mức đầu tư gấp đôi Việt Nam, chúng ta vẫn có sự chênh lệch hơn 90 điểm, tương đương với khoảng 2-3 năm học.

Tự chủ đại học được đẩy mạnh, thứ hạng đại học Việt Nam tăng cao. Nếu như trước đây chỉ có hai Đại học quốc gia được giao quyền tự chủ cao về chuyên môn, thì từ năm 2014 đã có 23 trường được thí điểm thực hiện tự chủ tương đối toàn diện theo Nghị quyết 77 của Chính phủ, và từ ngày 01/7/2019 (thời điểm Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018 có hiệu lực) tất cả các cơ sở giáo dục đại học đều được tự chủ toàn diện một cách bình đẳng.

Được tự chủ toàn diện, nhiều trường đã chủ động mở thêm nhiều ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, dừng và loại bỏ các ngành đào tạo không còn phù hợp; đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế<sup>12</sup>. Số lượng các công trình khoa học công bố quốc tế tăng liên tục, nhiều công trình được chuyển giao công nghệ, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn. Tính riêng năm 2020, số bài báo SCOPUS của cả nước là 21.530, tăng 3,7 lần so với năm 2016; số bài báo ISI của cả nước là 10.850, tăng 2,1 lần so với năm 2016.

Trước năm 2015, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam chưa có mặt trong các bảng xếp hạng thế giới, chỉ có 02 trường vào nhóm top 300 các trường đại học hàng đầu Châu Á. Trong giai đoạn 2016-2020, cùng với tăng cường công tác kiểm định chất lượng và đẩy mạnh tự chủ, vị thế của các trường đại học Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt. Lần đầu tiên, Việt Nam có 04 cơ sở giáo dục đại học lọt vào các bảng xếp hạng 1000 trường đại học tốt nhất thế giới, 11 trường đại học được vào danh sách các đại học hàng đầu Châu Á.

Công tác khuyến học, khuyến tài thực hiện tốt, mạng lưới Hội khuyến học đã được thành lập từ Trung ương và đến hầu hết các đơn vị cấp xã trong cả nước<sup>13</sup>. Việc phát triển các tổ chức Hội và hội viên ở cộng đồng dân cư và các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, xứ đạo, nhà chùa đang tăng nhanh<sup>14</sup>; phong trào xây dựng các mô hình học tập cộng đồng phát triển mạnh, tác động tích cực đến việc xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho mọi người được học tập suốt đời<sup>15</sup>.

### ***2.1.5. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, cho học sinh, sinh viên được tăng cường***

Thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 – 2030, Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối

<sup>12</sup>Tính đến ngày 30/11/2021, cả nước có gần 60% cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm đạt tiêu chuẩn kiểm định theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam; 07 trường đại học được công nhận bởi tổ chức đánh giá/kiểm định quốc tế; 279 chương trình đào tạo của 57 trường đại học được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn trong nước và 228 chương trình đào tạo của 38 trường được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

<sup>13</sup>Hiện có 63/63 tỉnh, thành phố có Hội cấp tỉnh, 646 Hội cấp huyện (chiếm 100%), 11.162 Hội cấp xã (chiếm 99,40%), 142.661 Chi hội khuyến học và 115.719 Ban khuyến học được thành lập). Năm 2017 Hội có 158.479 Chi hội khuyến học và 114.291 Ban khuyến học hoạt động tại cơ sở). Đến tháng 12/2020 có 61,73% tổng số Trường Đại học có tổ chức khuyến học. 50% các trường phổ thông có Ban khuyến học.

<sup>14</sup>Đến tháng 4/2017, số hội viên đã trên 16.700.000 người, bình quân số hội viên, tăng 1.100.000 người/năm. Tháng 6/2021 chiếm 21,89% dân số.

<sup>15</sup> Phát triển mô hình học tập vượt kế hoạch theo Quyết định 281/QĐ-TTg: Gia đình học tập vượt 2,11%; dòng họ vượt 16,51%; cộng đồng học tập vượt 5,38%; đơn vị học tập vượt 35,73%.

sống cho thanh thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020; Đề án xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học<sup>16</sup>; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo tinh thần Chỉ thị 05/CT-TW của Bộ Chính trị, gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành Giáo dục và công tác giáo dục chuẩn mực đạo đức cho học sinh, sinh viên.

Bộ GD&ĐT đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, sinh viên về chủ quyền biển, hải đảo và chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước về vấn đề biên giới, lãnh thổ; phối hợp với Bộ Công an nắm tình hình và chỉ đạo các nhà trường nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng của học sinh, sinh viên, phòng ngừa và ngăn chặn âm mưu kích động, lôi kéo học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên thông qua các chương trình, chuyên mục dành riêng cho thanh thiếu niên và nhi đồng trên một số kênh như VTV2, VTV6, VTV7<sup>17</sup>.

Nhiều địa phương đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua nhiều hình thức gắn với các phong trào của; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của tỉnh, thành phố thực hiện chương trình phối hợp về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Các cơ sở giáo dục đã thực hiện đổi mới nội dung chương trình, hình thức giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn trong trường học được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo đã tạo hiệu quả rõ rệt. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường, bước đầu phát huy hiệu quả. Cảnh quan, môi trường giáo dục từng bước được cải thiện theo hướng an toàn, thân thiện, dân chủ, kỷ cương, góp phần xây dựng văn hóa học đường<sup>18</sup>.

#### ***2.1.6. Công tác quản lý giáo dục từng bước được đổi mới, coi trọng quản lý chất lượng; bước đầu thực hiện tốt chủ trương đẩy mạnh quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng về số lượng và nâng cao trình độ đào tạo***

Công tác quản lý nhà nước về GD được đổi mới theo hướng đẩy mạnh phân cấp, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo cho các cơ sở GD. Công tác quản lý GD bước đầu chuyển từ cơ chế “chỉ huy và kiểm soát” sang “giao quyền và giám sát”.

Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý được thực hiện theo hướng đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến<sup>19</sup>, triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office); 100% trường học được kết nối Internet, 80% trường học đã dùng phần mềm quản trị trường học, sổ điểm điện tử giúp giảm tải hồ sơ, giấy tờ trong nhà trường. Cơ sở dữ liệu ngành GD được xây dựng<sup>20</sup>, đưa vào sử dụng thống nhất trên toàn quốc, cung cấp thông tin

<sup>16</sup>Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015; Quyết định 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018.

<sup>17</sup>Một số chương trình, chuyên mục có tác dụng tốt, thực hiện hiệu quả, được dư luận quan tâm trong thời gian qua như: “Việc tử tế”, “Cùng em đến trường”, “Một giờ đường dây nóng bảo vệ trẻ em”.

<sup>18</sup>Như: xây dựng nền nếp, quy tắc ứng xử văn hóa, tổ chức hát Quốc ca trong lễ chào cờ Tổ quốc, tập thể dục, hoạt động thể thao, tham gia lao động, vệ sinh, xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp, thân thiện, văn minh.

<sup>19</sup>Bộ GD&ĐT đã đưa vào sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến.

<sup>20</sup>Tính đến 2019 đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) cho 1,2 triệu hồ sơ cán bộ, CSDL cho gần 24 triệu hồ sơ HSSV của 44.000 trường học trên cả nước (tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>).

quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời hơn cho các cơ quan quản lý GD. Chính phủ đã ban hành, triển khai quy định quản lý các cơ sở GD có yếu tố nước ngoài và quản lý HSSV Việt Nam đi học nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng GD&ĐT được chú trọng hơn. Việc nhà giáo đánh giá cán bộ quản lý đã triển khai từ năm 2011 trước khi có Nghị quyết 29 và tiếp tục được triển khai cho đến nay theo tinh thần Nghị quyết 29 và Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác có liên quan<sup>21</sup>.

Hiện nay, đội ngũ nhà giáo và CBQLGD ở các cấp học cơ bản đáp ứng về số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT<sup>22</sup>. Việc đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của các trường ĐH, CĐ ở nước ngoài tiếp tục được thực hiện thông qua các đề án đào tạo bằng ngân sách nhà nước, học bổng Hiệp định và các chương trình học bổng khác.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 phê duyệt Đề án về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án, chỉ đạo các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã được triển khai; ban hành các văn bản quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở GD phổ thông; xây dựng chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý với trường sư phạm và trường phổ thông trong bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD.

Việc thực hiện chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo và CBQLGD, thu hút HS giỏi vào các trường sư phạm được thực hiện đúng quy định<sup>23</sup>. Nhiều địa phương đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức chuyển từ xếp ngạch sang hạng cho giáo viên theo tiêu chuẩn chức danh nghề

---

<sup>21</sup>Việc thực hiện chủ trương cán bộ, nhà giáo, nhân viên của nhà trường tham gia đánh giá hiệu trưởng đã được thực hiện theo Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 quy định chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT; Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14/4/2011 quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

<sup>22</sup>Đến 2019, Tỷ lệ giáo viên/lớp toàn quốc: Tiểu học: 1,43 GV/lớp (thiếu chủ yếu ở các môn ngoại ngữ, tin học); THCS: 1,99 GV/lớp (giáo viên THCS về cơ bản đủ, một số nơi thừa thiếu cục bộ); THPT: 2,25 GV/lớp (giáo viên THPT về cơ bản đủ). Tổng số cán bộ quản lý các cơ sở GD phổ thông: 103.432 người (mầm non: 37.589, tiểu học: 34.635, THCS: 23.808, THPT: 7400, GV dạy tại trung tâm GDTX: 7.218). Hầu hết giáo viên tiểu học và THCS có trình độ CĐ, nhiều người có bằng ĐH; 100% giáo viên THPT và giáo viên dạy lý thuyết tại các cơ sở GDNN có bằng ĐH trở lên; các cơ sở GDDH chỉ tuyển giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, một số trường chỉ tuyển giảng viên trình độ tiến sĩ. 100% CBQLGD được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý.

<sup>23</sup>Nhà giáo còn được hưởng 2 loại phụ cấp, đó là: Phụ cấp ưu đãi (với các mức từ 25% đến 70%); phụ cấp thâm niên. Tại các tỉnh miền núi, nhà giáo và CBQLGD ở các trường PTDTNT, PTDTBT được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu; giáo viên dạy lớp ghép ở tiểu học còn được hưởng phụ cấp dạy lớp ghép từ 50%-75%; giáo viên dạy tiếng DTTS hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu. Nhưng mức phụ cấp của giáo viên thấp hơn một số ngành như: Công chức Thanh tra có phụ cấp thâm niên (như giáo viên), phụ cấp ưu đãi (15%; 20%; 25%) và phụ cấp công vụ (25%), Công chức chuyên trách Đảng, Đoàn thể chính trị xã hội có 25% phụ cấp công vụ và 30% phụ cấp chuyên trách. Chính phủ đã có chính sách kéo dài thời gian làm việc cho các nhà khoa học có học hàm, học vị cao sau tuổi nghỉ hưu tiếp tục làm công tác chuyên môn. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương, trong đó có chính sách ưu đãi đối với nhà giáo.



nghiệp; tổ chức đánh giá viên chức để rà soát, sàng lọc và tinh giảm biên chế theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng<sup>24</sup>

## 2.2. Những hạn chế

Sau 9 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, 4 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, bên cạnh nhiều kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, hạn chế. Một số vấn đề tồn tại lâu dài, khó có thể giải quyết trong 01 năm, trước mốc thời gian 10 năm thực hiện Nghị quyết:

**2.2.1.** Nhận thức về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo có lúc, có nơi còn hạn chế. Vẫn còn tồn tại hiện tượng xác định đây là nhiệm vụ của riêng ngành giáo dục đào tạo chứ không phải của cả hệ thống chính trị hoặc xác định các vấn đề, nhiệm vụ ngắn hạn mà không tính đến quá trình triển khai cần quyết liệt, kiên trì. Công tác truyền thông để tạo sự đồng thuận, tin tưởng của xã hội đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục có thời điểm vẫn bộc lộ sự bất cập (như truyền thông về vấn đề đổi mới chương trình, sách giáo khoa...). Bộ GDĐT chưa lường hết được sự phức tạp và những khó khăn trong thực hiện Nghị quyết nên đôi khi có sự lúng túng, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**2.2.2.** Quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu chưa được quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ. Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho toàn ngành Giáo dục chưa đạt tỷ lệ theo quy định là 20% (năm 2021 chỉ đạt khoảng 17,3% chi ngân sách cả nước). Tỷ lệ chi cho con người (chi lương, các khoản theo lương) còn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi thường xuyên, chưa bảo đảm tỷ lệ tối thiểu 18% chi chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg, gây khó khăn cho công tác bảo đảm chất lượng dạy và học tại các địa phương.

**2.2.3.** Cơ sở vật chất trường lớp còn thiếu, xuống cấp. Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở một số địa phương chưa phù hợp, còn tình trạng thiếu trường, lớp ở một số khu đô thị, khu công nghiệp; thiếu đất cho xây dựng trường học, đặc biệt là ở các thành phố lớn. Một số địa phương sắp xếp, sáp nhập điểm trường mang tính “cơ học”, ảnh hưởng đến việc đi học của học sinh. Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học chưa được quy hoạch tổng thể và lâu dài, thiếu khả năng liên kết vùng để tạo sự dịch chuyển của lực lượng lao động giữa các địa phương.

**2.2.4.** Đội ngũ nhà giáo còn nhiều khó khăn, bất cập. Tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên mầm non, phổ thông ở nhiều địa phương vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Chất lượng đội ngũ không đồng đều, một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu đổi mới, chưa có ý thức giữ gìn đạo đức, phẩm chất và danh dự nhà giáo. Việc phân cấp trong công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhà giáo tại địa phương có vướng mắc vì hầu hết ở các địa phương, cơ quan chuyên môn là Sở GDĐT, Phòng GDĐT không phải là đơn vị chủ trì, đầu mối về tuyển dụng giáo viên nên không chủ động trong việc điều tiết số lượng, cơ cấu đội ngũ.

**2.2.5.** Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, nhân cách đạo đức, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống chưa được chú trọng đúng mức. Vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên có những biểu hiện sa sút về đạo đức, thiếu ý thức trách nhiệm, lười lao động, thích hưởng thụ. Bạo lực học

<sup>24</sup>Nghị quyết số 39-NQ/TW của Trung ương và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về bước đầu triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

đường còn xảy ra ở nhiều nơi. Công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc quản lý học sinh, đảm bảo môi trường an toàn cho học sinh học tập, rèn luyện thiếu chặt chẽ và còn kém hiệu quả.

**2.2.6. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu nhân lực trong các ngành kinh tế mũi nhọn, các ngành phục vụ kinh tế số.** Cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa bám sát vào nhu cầu của thị trường lao động, nhất là lao động trong các ngành kinh tế mới. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tuy có được cải thiện nhưng vẫn chưa có chuyên môn rõ nét, chưa thực sự là động lực, là đột phá để phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Nhiều trường đại học không tuyển sinh đủ chỉ tiêu. Nhiều sinh viên ra trường không có việc làm hoặc làm việc không phù hợp với trình độ được đào tạo.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Tạo sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài” và xác định một trong ba đột phá chiến lược là: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[9:327,329].

### 3. KẾT LUẬN

Nhìn nhận rõ những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế đang đặt ra là cơ sở quan trọng để ngành giáo dục, đào tạo, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để thực sự đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Đảng và mong muốn của Nhân dân. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện đổi mới nội dung chương trình, hình thức giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn trong trường học được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo đã tạo hiệu quả rõ rệt. Kết quả đạt được đã khẳng định sự đúng đắn trong đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng và chính phủ, tạo sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
- [2] Bộ Chính trị khóa VIII (2015). *Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 30/5/1998 về “Tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học”*, Hà Nội.
- [3] Bộ Chính trị khóa X (2007). *Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”*, Hà Nội.
- [4] Bộ Chính trị khóa XI (2011). *Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 5/12/2011 về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”*, Hà Nội.

- [5] Ban Bí thư khóa IX (2004). *Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 15/6/2004 về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”*, Hà Nội.
- [6] Ban Bí thư khóa XII (2019). *Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội.
- [7] Ban Tuyên giáo Trung ương (2018). *Báo cáo số 282-BC/BTGTW ngày 28/12/2018 của Ban Tuyên giáo Trung ương về Sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Báo cáo tóm tắt của Bộ Giáo dục và Đào tạo về một số kết quả nổi bật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2021 và định hướng nhiệm vụ lớn giai đoạn 2021 - 2025 (phục vụ buổi làm việc giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Ban Tuyên giáo Trung ương tháng 5/2022)*, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.327, 329.

**Title:** ACHIEVEMENTS AND LIMITATIONS OF EDUCATION REFORM IN VIETNAM FROM 2013 TO PRESENT

**Abstract:** The research focuses on clarifying the achievements and limitations in educational innovation in Vietnam from 2013 to present. At the same time affirming the view that education and training is the leading national policy, the cause of the Party, State and the whole people; Investment in education is a development investment, given priority in socio-economic development programs and plans. Some remarkable results of education and training were surveyed, showing the efforts and efforts of the education and training sectors, the political system and the whole society in implementing the innovation process. this fundamental, comprehensive, extremely important. From this result, the study also points out the limitations of innovation policy in education to overcome, towards more comprehensive and effective results.

**Keywords:** Education, training, innovation, achievements, limitations.